

Số: /2022/NQ-HĐND

Bến Tre, ngày tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định định mức phân bổ kinh phí và định mức chi cho các nội dung trong hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Bến Tre

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Xét Tờ trình số 6961/TTr-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định định mức phân bổ kinh phí và định mức chi cho các nội dung trong hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Bến

Tre; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Nghị quyết này quy định mức phân bổ kinh phí và định mức chi cho các nội dung trong hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Bến Tre, bao gồm các văn bản sau:

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp;
- Quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp.

b) Các nội dung khác có liên quan đến kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật chưa được quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 2. Định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

1. Định mức phân bổ kinh phí:

a) Đối với văn bản được ban hành mới hoặc thay thế:

- Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân:
 - + Cấp tỉnh: 30 triệu đồng/dự thảo;
 - + Cấp huyện: 15 triệu đồng/dự thảo;
 - + Cấp xã: 10 triệu đồng/dự thảo.

- Dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân:

- + Cấp tỉnh: 20 triệu đồng/dự thảo;
- + Cấp huyện: 10 triệu đồng/dự thảo;
- + Cấp xã: 08 triệu đồng/dự thảo.

b) Đối với văn bản được sửa đổi, bổ sung một số điều:

- Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân:
 - + Cấp tỉnh: 24 triệu đồng/dự thảo;
 - + Cấp huyện: 12 triệu đồng/dự thảo;

- + Cấp xã: 08 triệu đồng/dự thảo.
- Dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân:
- + Cấp tỉnh: 16 triệu đồng/dự thảo;
- + Cấp huyện: 08 triệu đồng/dự thảo;
- + Cấp xã: 6,4 triệu đồng/dự thảo.

2. Kinh phí cho hoạt động thẩm định, thẩm tra đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (bao gồm cả kinh phí họp, nhận xét, báo cáo và các công việc khác liên quan đến công tác thẩm định, thẩm tra):

a) Kinh phí thẩm định, thẩm tra đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật:

Đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: 3,7 triệu đồng.

b) Kinh phí thẩm định, thẩm tra dự thảo văn bản quy phạm pháp luật:

- Đối với dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

- + Văn bản ban hành mới hoặc thay thế: 02 triệu đồng;
- + Văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều: 1,5 triệu đồng.

- Đối với dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện, dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- + Văn bản ban hành mới hoặc thay thế: 1,5 triệu đồng;
- + Văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều: 1,2 triệu đồng.

3. Ngoài định mức phân bổ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, căn cứ vào khả năng nguồn kinh phí, trong trường hợp cần thiết thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì sắp xếp, bố trí từ khoản kinh phí chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị để hỗ trợ cho việc thực hiện các hoạt động có liên quan trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Điều 3. Định mức chi cho các nội dung trong hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật và nguồn kinh phí thực hiện

1. Định mức chi cho các nội dung trong hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

2. Định mức chi cho công tác hoàn thiện hệ thống pháp luật:

a) Báo cáo tổng hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tư pháp: 6.800.000 đồng/báo cáo;

b) Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: 5.000.000 đồng/báo cáo;

c) Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp xã gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện: 1.800.000 đồng/báo cáo;

d) Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo chuyên đề, báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật đột xuất: 10.000.000 đồng/báo cáo;

đ) Báo cáo tình hình xử lý kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật: 5.000.000 đồng/báo cáo.

3. Nguồn kinh phí thực hiện: kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật được bố trí trong dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hàng năm của các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

4. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Bến Tre;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ngành: Tài chính, Tư pháp, KBNN tỉnh;
- Văn phòng: ĐDBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đồng Khởi, Đài PT-TH tỉnh;
- Trang TTĐT ĐBND tỉnh Bến Tre, Trung tâm TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Hồ Thị Hoàng Yến

PHỤ LỤC

Định mức chi cho các nội dung trong hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số:...../2022/NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức chi (đvt: đồng)		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Chi soạn thảo đề cương chi tiết dự thảo văn bản:				
	- Đối với nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân				
	+ Văn bản ban hành mới hoặc thay thế	đề cương	1.500.000	1.200.000	900.000
+ Văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều	950.000		760.000	570.000	
2	Chi soạn thảo văn bản:				
	- Đối với nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân				
	+ Văn bản ban hành mới hoặc thay thế	dự thảo văn bản	4.800.000	3.840.000	2.880.000
+ Văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều	4.000.000		3.200.000	2.400.000	
3	Chi soạn thảo các báo cáo phục vụ công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật:				
a	Tờ trình đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật				
	Đối với nghị quyết của Hội đồng nhân dân	tờ trình	3.000.000		
b	Bản tổng hợp, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý				
	- Đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân	bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý			
	+ Văn bản ban hành mới hoặc thay thế		900.000		
	+ Văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều		600.000		
	- Đối với dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân				
	+ Văn bản ban hành mới hoặc thay thế		900.000	750.000	600.000
	+ Văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều		600.000	500.000	400.000
c	Báo cáo nhận xét, đánh giá của người phản biện, thành viên hội đồng thẩm định, báo cáo tham luận				
	- Đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân	báo cáo			
	+ Văn bản ban hành mới hoặc thay thế		500.000		
	+ Văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều		300.000		

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức chi (đvt: đồng)		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
	- Đối với dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân	báo cáo			
	+ Văn bản ban hành mới hoặc thay thế		500.000	400.000	300.000
	+ Văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều		300.000	240.000	180.000
d	Báo cáo đánh giá tác động của chính sách	báo cáo	8.000.000	6.400.000	4.800.000
đ	Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo (nếu trong dự thảo có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới)	báo cáo	2.000.000	1.600.000	1.200.000
e	Bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự thảo văn bản (nếu trong dự thảo có quy định thủ tục hành chính)	bản đánh giá thủ tục hành chính	2.000.000	1.600.000	1.200.000
g	Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	báo cáo	4.000.000	3.200.000	2.400.000
h	Báo cáo kinh nghiệm nước ngoài liên quan đến đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	báo cáo	3.000.000	2.400.000	1.800.000
4	Soạn thảo văn bản góp ý; báo cáo thẩm định, thẩm tra văn bản của cơ quan thẩm định, thẩm tra:				
a	Văn bản góp ý				
	- Đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân	văn bản	350.000		
	- Đối với dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân		350.000	300.000	250.000
b	Báo cáo thẩm định, thẩm tra				
	- Đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân	báo cáo	750.000		
	- Đối với dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân		750.000	600.000	
5	Chỉnh lý hoàn thiện đề cương nghiên cứu, các loại báo cáo, tờ trình văn bản, dự thảo văn bản:	Lần chỉnh lý	300.000	200.000	150.000
6	Chi cho cá nhân tham gia họp, hội thảo, tọa đàm, hội nghị và họp báo:				

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức chi (đvt: đồng)		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
<i>a</i>	<i>Tham gia họp, hội thảo, tọa đàm, hội nghị phục vụ công tác xây dựng dự kiến chương trình, soạn thảo, đánh giá tác động, góp ý, thẩm định, thẩm tra văn bản; điều tra, khảo sát; theo dõi, đánh giá về tình hình thi hành pháp luật</i>				
	Chủ trì	người/cuộc họp	150.000		
	Các thành viên tham dự		100.000		
	Ý kiến tham luận bằng văn bản của thành viên tham dự	văn bản	400.000	300.000	200.000
<i>b</i>	<i>Tham dự cuộc họp báo công bố các văn bản quy phạm pháp luật đã được cấp có thẩm quyền ký ban hành</i>				
	Người chủ trì cuộc họp	người/cuộc họp	150.000		
	Các thành viên tham dự		70.000		
7	Chi thuê dịch và hiệu đính tài liệu dịch				
<i>a</i>	<i>Dịch tài liệu tiếng nước ngoài sang tiếng Việt (350 từ/trang tài liệu được dịch)</i>	trang	150.000		
<i>b</i>	<i>Dịch tài liệu tiếng Việt sang tiếng nước ngoài (350 từ/trang tài liệu được dịch)</i>	trang	180.000		
<i>c</i>	<i>Hiệu đính tài liệu dịch (350 từ/trang tài liệu được dịch)</i>	trang	60.000		
<i>d</i>	<i>Đối với một số ngôn ngữ không phổ thông</i>	trang	mức chi biên dịch được phép tăng 30% so với mức chi tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này		
8	Chi lấy ý kiến tư vấn của chuyên gia độc lập:				
	Trong trường hợp đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; đề nghị, dự kiến chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; tờ trình, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và các báo cáo chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp phải lấy ý kiến tư vấn, phản biện của các chuyên gia độc lập	văn bản	1.500.000	1.200.000	900.000
9	Ngoài việc thực hiện theo mức chi cho những nội dung quy định từ khoản 1 đến khoản 8 Phụ lục này, mức chi cho những nội dung khác được thực hiện và áp dụng theo các chế độ chi tiêu tài chính theo quy định pháp luật hiện hành				